TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HS-ST
Ngày: 26-6-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị Mỹ T, sinh năm 1997 tại An Giang; nơi thường trú: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quốc S và bà Lê Thị Kim N; có chồng là Nguyễn Bảo Q và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; ngày bị tạm giam 06 tháng 10 năm 2024, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2024, có mặt.

2. Lê Trọng N1, sinh năm 2001 tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nơi ở: đường N, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị P; tiền án, tiền sự: không; ngày bị tạm giam 12 tháng 12 năm 2024, có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH Y; địa chỉ: thửa đất số 267, tờ bản đồ số 25, đường D, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHH Y: Bà Lầu Cá P1, sinh năm 2004; nơi thường trú: Ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm

trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Công ty TNHH P2; địa chỉ: số G, tổ C, ấp A, G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH P2: Ông Trương Văn H, sinh năm 1997; nơi thường trú: 43/b2, khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/3/2024), vắng mặt.

Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

Bà Võ Thị N2, sinh năm 1985; nơi thường trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngô Thị Mỹ T và Lê Trọng N1 có mối quan hệ quen biết với nhau. Do T thường đến Công ty TNHH Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) gặp Nghĩa là nhân viên nhân sự của công ty.

Ngày 17/02/2024, T đi cùng với ông Trương Văn H1 là đại diện Công ty TNHH P2 (sau đây viết tắt là Công ty P2) đến Công ty Y để thu hồi nợ. Khi đến thì giám đốc Công ty Y đi vắng nên không lấy tiền được. Lúc này T rủ N1 làm giả con dấu của Công ty P2 để chiếm đoạt số tiền nợ là 130.000.000 đồng, N1 đồng ý. T nhặt được dấu hình chữ nhật, mang tên "Tô Văn Đ" nên T và N1 thống nhất sử dụng tên này để thực hiện việc kí giấy tờ liên quan. N1 lên mạng xã hội Facebook thấy được số điện thoại (không nhớ rõ số) của một người (không rõ họ tên, địa chỉ) làm giả mộc dấu với giá 3.000.000 đồng. N1 cho số điện thoại người làm giả mộc dấu cho T để đặt làm giả mộc dấu Công ty P2. Đến sáng ngày 27/02/2024, T đến Công ty Y thì có người giao hàng liên hệ T để giao mộc dấu giả Công ty P2, T nhận con dấu và trả số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, T gặp người đại diện Công ty Y là ông PENG YUJIE, N1, Tiên cung cấp số tài khoản 9354498761 mở tại Ngân hàng TMCP N3 mang tên "NGUYEN BAO QUOC" để nhận tiền chuyển khoản từ Công ty Y. Để nhận được số tiền trên T viết lên tờ giấy A4 với nội dung "Đơn xin thanh toán tiền. Tôi tên Tô Văn Đ, bên phía thời vụ H. Hôm nay đến Công ty Y để xin thanh toán số tiền công nợ cho Công ty chúng tôi bằng tiền mặt 130.000.000 đồng", T đóng dấu tên "Tô Văn Đ" và dấu mộc đỏ của Công ty P2 đã chuẩn bị sẵn.

Để tạo lòng tin, N1 đã làm sẵn tờ giấy uỷ quyền với nội dung Công ty P2 uỷ quyền cho người tên Tô Văn Đ đến Công ty Y để nhận số tiền 130.000.000 đồng và thông tin tài khoản nhận số tiền là của ngân hàng TMCP N3 (V) mang tên "NGUYEN BAO QUOC", số tài khoản 9354498761, N1 tự đóng dấu mộc tròn của Công ty P2, đóng 03 dấu (giáp lai) lên giấy uỷ quyền.

Sau khi thực hiện xong thủ tục, trên đường về T vứt bỏ dấu tên "Tô Văn Đ" và dấu mộc tròn của Công ty P2 vào lô cao su (không nhớ chính xác địa điểm). Đến chiều tối cùng ngày, Công ty Y chuyển số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản mang tên "NGUYEN BAO QUOC". Khi nhận được tiền T chuyển khoản cho N1 số tiền 62.000.000 đồng vào số tài khoản số 1018004620 mở tại Ngân hàng TMCP N3 mang tên "VO THI NGOC" do N1 cung cấp, còn số tiền còn lại T rút tiền mặt và tiêu xài cá nhân hết. N1 nhận được tiền từ T chuyển khoản vào rồi rút tiền mặt và tiêu xài nhân hết. Đến ngày 02/03/2024, Công ty Y phát hiện bị T và N1 gian dối để chiếm đoạt số tiền nên đến Công an xã T trình báo toàn bộ sự việc nêu trên. Ngày 06/03/2024, Công an xã T đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số 2942/KL-KTHS (TL) ngày 13/8/2024, Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "* M.S.D.N: 3603896617 - C.T.TN.H.H *TỈNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC HƯNG THỊNH" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên "Biên bản (V/v thu mẫu dấu)", đề ngày 29/4/2024 (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu *đóng* ra.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Kết luận giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Y yêu cầu Ngô Thị Mỹ T và Lê Trọng N1 bồi thường số tiền 130.000.000 đồng, trong đó yêu cầu T bồi thường số tiền là 68.000.000 đồng và yêu cầu N1 bồi thường số tiền 62.000.000 đồng, quá trình điều tra, truy tố các bị cáo chưa có tiền để bồi thường.

Đối với số tài khoản 9354498761 mở tại Ngân hàng TMCP N3 mang tên "NGUYEN BAO QUOC" chủ tài khoản là Nguyễn Bảo Q là chồng của Ngô Thị Mỹ T, T lấy thông tin của B để đăng ký thẻ ngân hàng B không biết và B cũng không biết T dùng số tài khoản của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với số tài khoản 1018004620 mở tại Ngân hàng TMCP N3 mang tên "VO THI NGOC" chủ tài khoản là Võ Thị N2. N2 khai nhận N2 và N1 quen biết nhau do ở gần phòng trọ, N2 thường xuyên cho N1 mượn thẻ ngân hàng để chuyển khoản và rút tiền nên N2 không biết việc N1 dùng số tài khoản của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của N2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) làm mộc dấu giả cho T và N1, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, có kết quả sẽ xử lý sau.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Bà Nguyễn Thị P là mẹ bị cáo Lê Trọng N1 thay bị cáo N1 nộp số tiền khắc phục hậu quả là 62.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số: 0002568 ngày 03 tháng 4 năm 2025 và 0002573 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Ông Nguyễn Bảo Q là chồng bị cáo Ngô Thị Mỹ T thay bị cáo T nộp số tiền khắc phục hậu quả là 68.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0002582 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo Ngô Thị Mỹ T, Lê Trọng N1 đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bản Cáo trạng số 34/CT–VKSBB ngày 31 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Ngô Thị Mỹ T, Lê Trọng N1 về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù; Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 05 năm 03 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo N1 mức án từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo N1 mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 04 năm 09 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Ngô Thị Mỹ T, Lê Trọng N1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại Công ty Y yêu cầu bị cáo N1 bồi thường số tiền 62.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 68.000.000 đồng.

Công ty TNHH P2, bà Võ Thị N2, quá trình điều tra, truy tố không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu bị cáo N1 hoàn lại số tiền đã nộp thay cho bị cáo.

Ông Nguyễn Bảo Q không yêu cầu bị cáo Tiên hoàn lại số tiền đã nộp thay cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Thị Mỹ T nói lời sau cùng: sau một thời gian bị tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn và hối hận. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình và nuôi các con của bị cáo.

Bị cáo Lê Trọng N1 nói lời sau cùng: thời gian bị tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn và hối hận. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định: Vào giữa tháng 02/2024, Ngô Thị Mỹ T và Lê Trọng N1 thông qua mạng xã hội Facebook đã đặt mua 01 con dấu giả của Công ty TNHH P2. Sau khi đặt mua, ngày 27/02/2024, T và N1 dùng con dấu giả trên để làm giả 02 tài liệu bao gồm: 01 "Đơn xin thanh toán tiền" đóng dấu tên "Tô Văn Đ" đóng dấu mộc tròn của Công ty TNHH P2 và 01 "đơn uỷ quyền thu phí" đóng dấu mộc tròn của Công ty TNHH P2, chiếm đoạt số tiền 130.000.000 đồng của Công ty TNHH Y rồi bỏ trốn, các bị cáo làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức thực hiện tội phạm nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của các bị cáo T, N1 đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2

Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi làm giả tài liệu của Công ty TNHH P2 để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 130.000.000 đồng của Công ty TNHH Y.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội.

[5.2] Về nhân thân: Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của các bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Ngô Thị Mỹ T:

Đối với tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có con còn nhỏ, bản thân bị cáo hiện mắc bệnh tim, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có con còn nhỏ, bản thân bị cáo hiện mắc bệnh tim, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Lê Trọng N1:

Đối với tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: trong đó bị cáo T là người đề xuất việc làm giả tài liệu để chiếm đoạt tài sản, đồng thời cũng là người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do đó bị cáo T vừa là người chủ mưu vừa là người thực hành; bị cáo N1 chủ động liên lạc để mua con dấu giả, làm giấy ủy quyền giả, cung cấp thông tin để lừa bị hại chuyển tiền cho bị cáo T, do đó bị cáo Nghĩa là người thực hành tích cực. Hội đồng xét xử xét áp dụng các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Các bị cáo vừa có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức vừa có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Xét, tình hình tội phạm làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của cá nhân, tổ chức trên địa bàn huyện B nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung diễn biến phức tạp, hành vi phạm tội ngày càng tinh vi. Các đối tượng phạm tội lợi dụng sự thiếu kiểm soát của các tổ chức, làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét nên xử các bị cáo một mức án tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Y yêu cầu bị cáo N1 bồi thường số tiền 62.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 68.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường. Xét, thỏa thuận về việc bồi thường của bị hại và các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với số tài khoản 9354498761 mở tại ngân hàng TMCP N3 mang tên "NGUYEN BAO QUOC" chủ tài khoản là Nguyễn Bảo Q là chồng của Ngô Thị Mỹ T, T lấy thông tin của Q để đăng ký thẻ ngân hàng Q không biết và Q cũng không biết T dùng số tài khoản của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của Q không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với số tài khoản 1018004620 mở tại ngân hàng TMCP N3 mang tên "VO THI NGOC" chủ tài khoản là Võ Thị N2. N2 khai nhận N2 và N1 quen biết nhau do ở gần phòng trọ, N2 thường xuyên cho N1 mượn thẻ ngân hàng để chuyển khoản và rút tiền, N2 không biết việc N1 dùng số tài khoản của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của N2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) làm 01 mộc dấu giả cho T và N1, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[12] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố các bị cáo Ngô Thị Mỹ T, Lê Trọng N1 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt:

1.1 Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 06 tháng 10 năm 2024 đến ngày 29 tháng 11 năm 2024.

1.2 Xử phạt bị cáo Lê Trọng N1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Ngô Thị Mỹ T bồi thường cho Công ty TNHH Y số tiền 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng do Ngô Thị Mỹ T (Nguyễn Bảo Q nộp thay) đã nộp các Biên lai thu tiền số 0002582 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Buộc Lê Trọng N1 bồi thường cho Công ty TNHH Y số tiền 62.000.000 (sáu mươi hai triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 62.000.000 (sáu mươi hai triệu) đồng do bà Nguyễn Thị P nộp tại các Biên lai thu tiền số: 0002568 ngày 03 tháng 4 năm 2025 và 0002573 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về án phí: Các bị cáo Ngô Thị Mỹ T, Lê Trọng N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết